

Bản án số: 04/2021/HS-ST
Ngày 21 - 01 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu Hương
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Đỗ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Cung Đ; Giới tính: Nam, tên gọi khác: Không, sinh ngày 15/9/1996 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Công Đ, sinh năm 1968; Con bà Bùi Thị H, sinh năm 1973, hiện đều trú tại Khu 12, Xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Bị cáo chưa có án tích, chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12/7/2020, tạm giam ngày 18/7/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Hoàng Quang H; Giới tính: Nam, tên gọi khác: H phỏm, sinh ngày 09/5/1994 tại thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 8, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Hoàng Tiến A, sinh năm 1971 (không xác định được địa chỉ nơi cư trú); Con bà: Trương Thị L, sinh năm 1973, hiện trú tại tổ 8, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Vợ: Phùng Thị Hồng V, sinh năm 1995, hiện trú tại tổ 8, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Bị cáo chưa có án tích, chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12/7/2020, tạm giam ngày 18/7/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Nguyễn Việt H; Giới tính: Nam, tên gọi khác: Không, sinh ngày 24/01/2000 tại huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm 1975; Con bà: Nguyễn Kim T, sinh năm 1977, hiện đều trú tại: Thôn M, xã Đ, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Về nhân thân: Bị cáo chưa có án tích, chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/10/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Bị hại:

1. Anh Phạm Đức H, sinh năm 1994. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi ở: Khu 5, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

2. Anh Hà Xuân H, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Khu 8, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Thế H, anh Nông Mạnh C, anh Đặng Tồn N, anh Phạm Đình H, chị Đặng Thị M, chị Phùng Thị Hồng V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2020, Bảo A (không xác định rõ tên, tuổi, địa chỉ) làm nhân viên rót bia, bấm bài hát do Nguyễn Cung Đ, Hoàng Quang H (H phỏm) quản lý tại huyện B, tỉnh Lào Cai. Cuối tháng 6/2020, B bỏ đi không làm cho Đ nữa và đến xin làm nhân viên phục vụ quán hát cho Hà Xuân H, Phạm Đức H tại tỉnh Lạng Sơn. Vì B chưa đủ tuổi, Hà Xuân H và Phạm Đức H không nhận nên B giới thiệu Đặng Thị M (tức X), là nhân viên rót bia do Đ quản lý, đến làm cho Hà Xuân H và Phạm Đức H. Khoảng 16 giờ ngày 01/7/2020 khi Bảo A đang nói

chuyện với M qua mạng xã hội Facebook, rủ M đi Lạng Sơn làm việc thì Nông Mạnh C (C xăm) phát hiện nên nói cho Đ biết. Đ rất bức nên nảy sinh ý định lừa Bảo A lên Lào Cai để đánh răn mặt B. Đ bảo C yêu cầu M nhắn tin đồng ý đi cùng Bảo A. Đ bảo M đến nhà nghỉ T thuộc Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai và hẹn Bảo A đến đón M tại đây. Đ gọi điện cho Hoàng Quang H nói lại sự việc và rủ Hoàng Quang H cùng tham gia đánh Bảo A. Khi đó Hoàng Quang H đang ở cùng Nguyễn Việt H nên rủ Nguyễn Việt H tham gia cùng. Vì nghĩ Bảo A sẽ đi cùng với người quản lý quán hát mà Bảo A đang rủ M đến làm nên Đ gọi điện cho Nguyễn Thế H (H đen) và Đặng Tồn N nhờ đến giúp việc đánh nhóm của Bảo A, H đen và N đồng ý. Khoảng hơn 18 giờ cùng ngày, Đ đi cùng C, thuê xe taxi màu trắng biển kiểm soát 24A-055.92 do Phạm Đình H điều khiển, đến đón H đen và N. Khi đi N cầm theo 01 chiếc gậy rút 3 khúc bằng kim loại, Đ vào quán bi a ở thôn T, xã S lấy 02 đoạn gậy bi a của Đ gửi ở quán trước đó. Sau khi đón được H đen và N, Đ bảo anh Phạm Đình H điều khiển xe chở nhóm của Đ đến nhà nghỉ T để đợi Bảo A. Đợi đến khoảng 19 giờ cùng ngày không thấy Bảo A đến, Đ đi vào nhà nghỉ T cùng với M, còn anh Phạm Đình H lái xe đưa C, Hoàng Quang H và N về. Tại nhà nghỉ T, Đ yêu cầu M hỏi Bảo A là đi với ai, Bảo A trả lời đi với 02 người nữa và sắp đến nơi hẹn. Đ báo cho H đen và N là nhóm của Bảo A sắp đến và gọi xe taxi của Phạm Đình H đến đón H phỏm và Nguyễn Việt H sang nhà nghỉ T. Nhận được thông báo của Đ, H đen điều khiển xe máy chở N sang nhà nghỉ T sau đó lên xe taxi ngồi cùng với H phỏm và Nguyễn Việt H để đợi nhóm của Bảo A. Đến khoảng 01 giờ ngày 02/7/2020, Phạm Đức H, Hà Xuân H và Bảo A đi xe ô tô biển kiểm soát 19A-254.83 đến trước cửa nhà nghỉ T. Thấy Phạm Đức H xuống xe đi đến cửa nhà nghỉ, H đen cầm gậy rút ba khúc lấy xe máy điều khiển đến vị trí của Phạm Đức H. H đen xuống xe tiến đến vị trí cách Phạm Đức H khoảng 2m chỉ gậy về phía Phạm Đức H yêu cầu Phạm Đức H đứng sát vào cửa kính của nhà nghỉ. N cầm 01 đoạn gậy bi a chạy đến vị trí xe ô tô của nhóm Bảo A đang đỗ yêu cầu Hà Thế H xuống xe đi đến đứng cạnh Phạm Đức H. Lúc này Phạm Đình H điều khiển xe ô tô chở H phỏm và Nguyễn Việt H đi đến. Nguyễn Việt H cầm 01 đoạn gậy bi a xuống xe, chạy đến vụt 01 phát vào vai bên trái của Phạm Đức H, gậy của Nguyễn Việt H bị văng ra gốc cây cạnh đó. Thấy vậy H phỏm xuống xe ô tô bảo Nguyễn Việt H không được đánh Phạm Đức H. Nguyễn Việt H nhặt gậy, tiến đến cửa trước bên phải của xe ô tô biển kiểm soát 19A-254.83 dùng gậy gõ nhẹ vào cửa xe, yêu cầu Bảo A xuống xe đến ngồi gần Hà Xuân H và Phạm Đức H. Lúc này Đ và M từ trong nhà nghỉ đi ra. Đ đi đến gần Bảo A, cầm 01 chiếc dép tông đang đi tát vào mặt Bảo A 03 cái rồi nói “Thôi không đánh chúng nó ở đây nữa âm ỉ, đưa chúng nó đi chỗ khác”. H phỏm đứng cạnh Phạm Đức H và nói “Bọn này lên xe taxi”, Đ nói “Bọn này lên xe taxi còn xe của chúng mày tao đi”. Lúc này C điều khiển xe máy đến chở M đi về nhà trọ ở thôn T, xã S, huyện B trước, còn Phạm Đức H, Hà Xuân H, Bảo A đi lên xe ô tô biển kiểm soát 24A-055.92 ngồi tại hàng ghế sau, Nguyễn Việt H và N đi theo ngồi ở hai bên cửa còn H phỏm ngồi ở ghế lái phụ, H phỏm bảo Phạm Đình H điều khiển xe đi về nhà trọ ở thôn T, xã S. Đ điều khiển xe ô tô màu đen biển kiểm

soát 19A-254.83 chở H đen đi sau. Khi xe ô tô do Phạm Đình H điều khiển đi đến cửa nhà trọ của nhân viên ở thôn T, xã S, H phỏm yêu cầu nhóm Bảo A xuống xe đi vào trong nhà trọ, Nguyễn Việt H và N đi theo sau. Khi vào đến gian phòng khách của nhà trọ, Nguyễn Việt H yêu cầu Phạm Đức H và Hà Xuân H, Bảo A quỳ xuống nền nhà tại phòng khách, Nguyễn Việt H nói “Chúng mày dám cướp nhân viên của anh tao à” đồng thời dùng tay trái tát vào mặt của Phạm Đức H 03 cái, sau đó tiếp tục dùng đoạn gậy bi a vụt vào vai phải của Hà Xuân H 01 cái. Tiếp đó, N dùng chân phải đá vào mặt Hà Xuân H 01 cái khiến Hà Xuân H bị ngã người ra phía sau, rồi tiếp tục dùng chân phải đá 01 cái vào mặt Phạm Đức H khiến Phạm Đức H chảy máu. C từ trong phòng ngủ đi ra đứng cạnh Bảo A. H phỏm từ sân đi vào trong nhà và nói với Nguyễn Việt H và N “Thôi đừng đánh bọn nó nữa”. Lúc này Đ và H đen về đến nhà trọ. Đ đi thẳng đến vị trí Bảo A, tay trái Đ túm vào tóc Bảo A, tay phải cầm một chiếc dép tông đang đi đánh 03 cái vào mặt Bảo A. H phỏm cũng đi đến tát vào mặt Bảo A 2 - 3 cái rồi dùng chân phải đá vào đùi Bảo A 03 cái. C thấy vậy cũng dùng chân đá vào hai bên đùi của Bảo A. Lúc này Đ nói “Thôi không đánh chúng nó ở đây nữa, ằm ỉ” rồi Đ đi về phía bếp đứng ở cuối hành lang gần bếp, gọi H phỏm xuống. Đường nói với H phỏm “Thôi không đánh chúng nó ở đây nữa ằm ỉ, đưa chúng nó đi chỗ khác xem ý chúng nó tiền nong như thế nào”, H phỏm nói “ok, tùy bạn thôi”. Sau đó H phỏm quay trở lại phòng khách yêu cầu Phạm Đức H, Hà Xuân H, Bảo A đứng dậy đi ra xe ô tô. Đi đến cửa Đ nói “Đưa bọn nó lên bờ kè P”. Sau đó Phạm Đức H, Hà Xuân H, Bảo A lên ngồi tại ghế sau của xe ô tô biển kiểm soát 24A-055.92 do Phạm Đình H điều khiển, H phỏm ngồi tại ghế lái phụ. Đ điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 19A-254.83 chở H đen, Nguyễn Việt H, N, C đi trước, xe ô tô do Phạm Đình H điều khiển đi theo phía sau. Khi ra đến đường bờ kè thuộc tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B, Đ dùng xe sát lề đường bên phải giáp với bờ sông hồng, Phạm Đình H dùng phía sau cách đuôi xe ô tô biển kiểm soát 19A-254.83 khoảng 04m. Lúc này trời tối và mưa to, H phỏm yêu cầu nhóm Bảo A xuống xe. Phạm Đức H, Hà Xuân H xuống xe tự quỳ xuống nền đường ở khoảng giữa của hai xe. H đen cầm gậy rút 3 khúc xuống xe đi qua vị trí Hà Xuân H, Phạm Đức H đang quỳ xuống đứng phía sau xe ô tô của Phạm Đình H điều khiển. Đ xuống xe và nói “Thôi không ai đánh chúng nó nữa” rồi đi đến vị trí Bảo A đang quỳ, rút chiếc dép tông đang đi đánh vào mặt Bảo A 03 cái và nói “Đồ ăn cháo đá bát này, tao xuống đón mày thấy bố mẹ mày khổ tao còn đưa tiền cho mày đưa bố mẹ mày, bây giờ mày định quay lại cắn bọn tao à”. Tiếp đó Đ quay mặt về phía Hà Xuân H chửi và nói “Dịch bệnh bao nhiêu ngày tháng nay, anh em tao không làm ăn được gì, chúng mày còn định lên cướp nhân viên của tao à, bây giờ ý chúng mày thế nào tao cho chúng mày tự giải quyết”. Nghe vậy, Hà Xuân H đã tự lấy ví và rút ra số tiền khoảng 1.700.000 đồng đưa cho Đ và nói “Các anh cho em xin, em cũng giống như các anh, cũng bị con Bảo A này nó lừa”. Đ cầm tiền đưa cho C và bảo C đếm. C cầm tiền đếm rồi nói với Đ “Anh ơi có hơn 01 triệu”, Đ nói “Chỗ này không đủ cho anh em tao ăn uống và trả tiền taxi”. Đ nói xong C cầm số tiền trên trả lại cho Hà Xuân H. Thấy vậy Phạm Đức H nói “Anh ơi em còn 3 triệu trong tài

khoản nhưng em không mang theo thẻ, các anh cho em xin số tài khoản để em chuyển tiền”. H phởm bảo Phạm Đức H chuyển tiền vào tài khoản của Hà Xuân H rồi lấy thẻ của Hà Xuân H đi rút tiền nhưng mạng bị lỗi nên Phạm Đức H không chuyển tiền vào tài khoản của Hà Xuân H được. Đ hỏi H phởm có thẻ không thì H phởm nói thẻ bị hỏng và quay sang bảo Nguyễn Việt H đọc số tài khoản của Nguyễn Việt H cho Phạm Đức H. Nguyễn Việt H nói “Nhưng mà em không mang theo thẻ, thẻ em gửi chỗ chị V”, H phởm bảo Nguyễn Việt H “Cứ đọc số tài khoản đi không sao đâu”. Nguyễn Việt H đã đọc số tài khoản của Nguyễn Việt H là 37110000775791 của ngân hàng BIDV chi nhánh Yên Bái cho Phạm Đức H. Phạm Đức H chuyển số tiền 3.000.000 đồng từ số tài khoản 106870106570 ngân hàng Viettinbank của Phạm Đức H sang tài khoản của Nguyễn Việt H. Sau khi chuyển tiền thành công, Phạm Đức H giơ điện thoại lên cho H phởm xem xác nhận đã chuyển khoản thành công. Lúc này, Đ nói với Hà Xuân H “Số tiền lúc này đây”. Hà Xuân H lấy ra số tiền khoảng 1.700.000 đồng lúc trước đưa cho Đ và nói “Anh ơi tiền đây”. Đ cầm số tiền này lấy ra 1.000.000 đồng gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, còn lại khoảng 700.000 đồng Đ trả lại cho Hà Xuân H và nói là cầm lấy tiền để đi đường. Đ cầm số tiền 1.000.000 đồng vừa chiếm đoạt của Hà Xuân H đưa cho Phạm Đình H và nói “Anh ơi em trả tiền taxi cho anh”. Sau đó Đ quay ra nói với Hà Xuân H và Phạm Đức H “Thôi may cho chúng mày nhé, lên xe đi về”. Đ điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 19A-254.83 chở H đen, H phởm, Phạm Đức H, Hà Xuân H đi lên đường Quốc lộ 4E rồi trả xe ô tô cho Hà Xuân H và Phạm Đức H điều khiển đi về. Trên đường về, Phạm Đức H kiểm tra xe thì thấy ở hàng ghế sau có 01 đoạn gậy sắt và 01 chiếc điện thoại Iphone 6 màu bạc. Phạm Đức H đã cầm đoạn gậy sắt vứt xuống đường. Sau đó Phạm Đức H và Hà Xuân H đến cơ quan Công an trình báo toàn bộ nội dung sự việc và giao nộp lại chiếc điện thoại Iphone 6 cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai. Đối với số tiền 3.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng BIDV chi nhánh Yên Bái số 37110000775791 của Nguyễn Việt H mà Đ và đồng phạm đã chiếm đoạt được của bị hại Phạm Đức H, H phởm nhờ vợ là Phùng Thị Hồng V đi rút vì chị V giữ thẻ của Nguyễn Việt H. Ngày 03/7/2020, chị V rút tiền trong tài khoản của Nguyễn Việt H được 2.950.000 đồng, còn lại 50.000 đồng chị V không rút được vì tài khoản không đủ số dư. Sau khi biết nguồn gốc tiền là do hành vi phạm tội mà có, chị V đã giao nộp số tiền 2.950.000 đồng và anh Phạm Đình H giao nộp số tiền 1.000.000 đồng cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lào Cai.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 125/TgT ngày 14/7/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Lào Cai đối với Hà Xuân H kết luận: Bầm tím gò má phía dưới mắt phải, vết bầm tím kéo dài từ đầu trong mi dưới mắt phải xuống gò má, kích thước 03x0,6cm. Mức tổn thương cơ thể là 01%. Chấn thương do vật tày để lại.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 126/TgT ngày 14/7/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Lào Cai đối với Phạm Đức H kết luận: không có dấu vết thương tích, mức tổn thương cơ thể là 0%.

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 26/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Nguyễn Cung Đ, Hoàng Quang H và Nguyễn Việt H về tội Cường đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Cung Đ, Hoàng Quang H và Nguyễn Việt H phạm tội Cường đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Trong đó:

Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Cung Đ từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Quang H từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Việt H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: các bị cáo chiếm đoạt được của bị hại anh Hà Xuân Hòa là 1.000.000 đồng và của anh Phạm Đức H là 3.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu giữ được 1.000.000 đồng do anh Phạm Đình Hưng giao nộp khi các bị cáo dùng số tiền đó để trả tiền taxi và chị Phùng Thị Hồng V nộp 2.950.000 đồng rút từ tài khoản của Nguyễn Việt H. Các bị hại có nguyện vọng được nhận lại số tiền cơ quan điều tra thu giữ xét thấy là có căn cứ đúng pháp luật nên cần chấp nhận. Ngoài ra các bị cáo đã bồi thường cho mỗi bị hại là 10.000.000 đồng gồm tiền công đi lại, tiền tổn thất tinh thần, các bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên trả cho anh Hà Xuân H 1.000.000 đồng (một triệu đồng chẵn); Trả cho anh Phạm Đức H 2.950.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

Tuyên tịch thu 01 đôi dép tông màu nâu, quai dép màu đen, trên quai dép có chữ Love màu đỏ, kích thước 28,5cm x 11 cm; 02 đoạn gậy đánh bi a bằng gỗ dài 76,5 cm, đầu to có phi 3,4 cm được bịt bằng cao su, đầu nhỏ có phi 2,2cm có ren sắt để nối đề tiêu hủy.

Trả cho bị cáo Nguyễn Việt H 01 thẻ rút tiền ngân hàng BIDV số thẻ 9704180120335443 mang tên Nguyễn Việt H.

Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử tuyên nghĩa vụ chịu án phí Hình sự sơ thẩm, quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Cung Đ, Hoàng Quang H và Nguyễn Việt H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã có trong hồ sơ. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định bản cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 26/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Nguyễn Cung Đ, Hoàng Quang H và Nguyễn Việt H về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết pháp luật. Bản thân các bị cáo đều hiểu rất rõ Nhà nước ta nghiêm cấm mọi hành vi cưỡng đoạt tài sản của người khác. Mọi hành vi vi phạm đều phải được xử lý thật nghiêm minh trước pháp luật. Hiểu rất rõ điều đó song do không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, nên các bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật lao vào con đường phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội ở địa phương, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận quần chúng.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ. Vì vậy Hội đồng xét xử cũng cần xem xét đánh giá vai trò của từng bị cáo để có một mức án phù hợp với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Cung Đ là người khởi xướng và là người trực tiếp tham gia thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của các bị hại, do đó Nguyễn Cung Đ là đối tượng giữ vai trò chính trong vụ án.

Đối với Hoàng Quang H là người tiếp nhận mục đích và thực hiện hành vi phạm tội một cách rất tích cực nên Hoàng Quang H phải chịu trách nhiệm với vai trò là người thực hành trong vụ án.

Đối với Nguyễn Việt H là người cung cấp số tài khoản cho Phạm Văn Hiệp chuyển số tiền 3.000.000 đồng vào tài khoản của Hoàng, giúp cho Nguyễn Cung Đ chiếm đoạt tài sản của bị hại nên Nguyễn Việt H phải chịu trách nhiệm với vai trò là người giúp sức trong vụ án.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Cung Đ, Hoàng Quang H và Nguyễn Việt H là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy Hội đồng xét xử xét

thấy cần phải có một mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo để cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[2]. Về nhân thân của các bị cáo:

Các bị cáo Nguyễn Cung Đ, Hoàng Quang H và Nguyễn Việt H đều là đối tượng có nhân thân tốt.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Sau khi phạm tội bị cáo Hoàng Quang H đã ra đầu thú và bị cáo có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì, bà nội được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đó cũng cần áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Về các vấn đề liên quan trong vụ án:

Đối với Nông Mạnh C, Nguyễn Thế H và Đặng Tồn N là người được Nguyễn Cung Đ rủ tham gia giúp Đ giải quyết việc Bảo A rủ nhân viên của Đường đi nơi khác làm việc. Khi Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của các bị hại Đ chỉ nói với Hoàng Quang H không nói gì với C, H đen và N. Mặt khác, trong quá trình các bị cáo chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng của các bị hại thì C, H đen và N không tham gia giúp sức cũng không được hưởng lợi gì từ tài sản chiếm đoạt được của các bị hại. Do đó, cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với Phạm Đình H là người điều khiển xe taxi biển kiểm soát 24A-055.92 được Đ thuê chở nhóm của Đ. Khi chở, anh Phạm Đình H không biết mục đích việc làm của Đ. Khi các bị cáo chiếm đoạt tài sản của các bị hại, anh Phạm Đình H ngồi trên xe ô tô và do trời mưa to nên anh Phạm Đình H không nghe rõ và không biết gì về nội dung vụ việc. Mặt khác, khi Đ đưa số tiền 1.000.000 đồng cho anh Phạm Đình H nói là trả tiền taxi, thì anh Phạm Đình H không biết nguồn gốc số tiền này là do chiếm đoạt của bị hại mà có nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý trách nhiệm đối với anh Phạm Đình H, xét thấy là phù hợp.

Đối với Đặng Tồn N và Nguyễn Việt H là các đối tượng đã có hành vi dùng vũ lực tấn công gây thương tích cho anh Hà Xuân H và Phạm Đức H. Xét thấy, hành vi của N và Nguyễn Việt H không đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích, nên Công an huyện Bảo Thắng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04, 05 cùng ngày 17/11/2020, bằng hình thức phạt tiền đối với Đặng Tồn N là 2.500.000 đồng; đối với Nguyễn Việt H là 2.000.000 đồng.

Đối với Nguyễn Cung Đ, Hoàng Quang H và Nông Mạnh C có hành vi đánh Bảo A nhưng chỉ đánh vì bức tức việc Bảo A rủ nhân viên của Đ đi nơi khác làm việc, không nhằm chiếm đoạt tài sản của Bảo A. Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để điều tra, xác minh nhưng đến nay không xác định được rõ tên, tuổi, địa chỉ của Bảo A nên chưa làm việc được với Bảo A để xác định mức tổn thương cơ thể do hành vi gây thương tích của Nguyễn Cung Đ, Hoàng Quang H và Nông Mạnh C gây ra. Do đó, đối với hành vi trên Cơ quan điều tra tách ra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau. Xét thấy là phù hợp.

Đối với chị Phùng Thị Hồng V đã giúp Hoàng Quang H rút số tiền 2.950.000 đồng từ tài khoản của bị cáo Nguyễn Việt H. Tuy nhiên, khi rút tiền chị V không biết nguồn gốc tài sản là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý đối với chị V là phù hợp.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về vấn đề dân sự: Bị hại là anh Hà Xuân H và anh Phạm Đức H vắng mặt tại phiên tòa, song tại cơ quan điều tra anh Hà Xuân H trình bày đã bị các bị cáo chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng và anh Phạm Đức H trình bày bị các bị cáo chiếm đoạt 3.000.000 đồng, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ được 1.000.000 đồng do anh Phạm Đình H giao nộp và 2.950.000 đồng do chị V giao nộp, nay các anh có yêu cầu được nhận lại số tiền này, đối với số tiền còn thiếu là 50.000 đồng anh Phạm Đức H cho các bị cáo không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả. Ngoài ra anh Hà Xuân H và anh Phạm Đức H còn trình bày đã được gia đình các bị cáo bồi thường cho mỗi người 10.000.000 đồng tiền công đi lại, tiền tổn thất tinh thần, các anh đã nhận đủ tiền bồi thường và không có yêu cầu bồi thường thêm. Xét yêu cầu của các bị hại là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[7]. Về vật chứng của vụ án:

Cơ quan điều tra thu giữ 1.000.000 đồng do Phạm Đình H giao nộp và 2.950.000 đồng do chị Phùng Thị Hồng V giao nộp. Đây là số tiền các bị cáo phạm tội mà có, nên cần tuyên trả lại cho anh Hà Xuân H 1.000.000 đồng, trả cho anh Phạm Đức H 2.950.000 đồng.

Thu giữ 01 thẻ rút tiền ngân hàng BIDV số thẻ 9704180120335443 mang tên Nguyễn Việt H đây là thẻ ngân hàng của Nguyễn Việt H còn giá trị sử dụng nên cần tuyên trả lại cho Nguyễn Việt H.

Thu giữ 01 đôi dép tông màu nâu, quai dép màu đen, trên quai dép có chữ Love màu đỏ, kích thước 28,5cm x 11 cm; 02 đoạn gậy đánh bi a bằng gỗ dài 76,5 cm, đầu to có phi 3,4 cm được bịt bằng cao su, đầu nhỏ có phi 2,2cm có ren sắt để nối. Xác định đây là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu để tiêu hủy.

Thu giữ 01 xe ô tô Hyundai i10 màu trắng biển kiểm soát 24A-055.92 cùng giấy tờ kèm theo gồm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006556; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 9912798; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số 19142956; 01 giấy phép lái xe số 100086000539 đều mang tên Phạm Đình H.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe này thuộc sở hữu của anh Phạm Đình H. Anh Phạm Đình H là lái xe taxi được bị cáo Nguyễn Cung Đ thuê chở đi theo yêu cầu, tuy nhiên anh Phạm Đình H không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Thắng đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 20 ngày 25/9/2020 trả lại chiếc xe trên cùng giấy toàn bộ giấy tờ liên quan cho anh Phạm Đình H.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ: 01 điện thoại di động OPPO F3 Plus màu đen có số thuê bao 0367.912.767 của Phạm Đình H; 01 điện thoại OPPO A3, màu đỏ có số thuê bao 0988.945.696 của Nguyễn Việt H; 01 điện thoại Samsung Duos màu đỏ có 02 số thuê bao là 0347.183.829 và 0856.676.897 của Đặng Thị M; 01 điện thoại Iphone 5S màu vàng trắng có số thuê bao 0854.458.282 của Nông Mạnh C; 01 điện thoại OPPO F7, màu đỏ có số thuê bao 0975.673.963 của Nguyễn Cung Đ. Quá trình điều tra, xác định các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Thắng đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 05 ngày 13/11/2020, trả lại những đồ vật trên cho chủ sở hữu.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 6 màu bạc, màn hình bị vỡ, trên vỏ máy bị trầy xước nhiều chỗ xác định là tài sản của Bảo A, nhưng do chưa xác định được lai lịch, địa chỉ của Bảo A nên cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục bảo quản tại kho vật chứng của Công an huyện Bảo Thắng khi nào xác định được chủ sở hữu sẽ xử lý sau.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9]. Về đề nghị của Kiểm sát viên, các bị cáo:

Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt chính đối với các bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Tại phiên tòa các bị cáo không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp, đúng với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Cung Đ, Hoàng Quang H và Nguyễn Việt H phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cung Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/7/2020

Xử phạt bị cáo Hoàng Quang H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/7/2020

Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/10/2020.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tuyên trả cho anh Hà Xuân H 1.000.000 đồng (một triệu đồng chẵn)

Tuyên trả cho anh Phạm Đức H 2.950.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

Tuyên tịch thu 01 đôi dép tông màu nâu, quai dép màu đen, trên quai dép có chữ Love màu đỏ, kích thước 28,5cm x 11 cm; 02 đoạn gậy đánh bi a bằng gỗ dài 76,5 cm, đầu to có phi 3,4 cm được bịt bằng cao su, đầu nhỏ có phi 2,2cm có ren sắt để nối để tiêu hủy.

Trả cho bị cáo Nguyễn Việt H 01 thẻ rút tiền ngân hàng BIDV số thẻ 9704180120335443 mang tên Nguyễn Việt H.

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Cung Đ, Hoàng Quang H và Nguyễn Việt H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

- VKSND Bảo Thắng;
- Công an Bảo Thắng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lào Cai (03);
- Cơ quan THA HS CA tỉnh Lào Cai;
- Sở tư pháp tỉnh LC;
- Bị cáo (03);
- Thi hành án hình sự (02);
- Lưu HS,TA,VP.

Phạm Thị Thu Hằng